| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LX**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 145/2019/HNGĐ – ST
Ngày 17 – 12 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26/11/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số X/Y, khóm Đ 1, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Lê Hữu N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số Y/Z, khóm B 1, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 03/9/2019 và các tại biên bản làm việc trong quá trình Tòa án giải quyết, bà Ngô Thị Mỹ D là nguyên đơn trong vụ án trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hữu N tự nguyện sống chung như vợ chồng vào cuối năm 2013. Ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống bên nhà chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đánh đập vợ. Đến giữa năm 2018, bà và ông N tự ly thân, bà về cha mẹ ruột sống đến nay. Nay do không thể tiếp tục chung sống với người vô trách nhiệm và vũ phu nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Ngô Ngọc Mỹ A sinh ngày 28/7/2014. Do không có ý kiến của ông N về con chung nên bà rút lại yêu cầu công nhận cháu Ngô Ngọc Mỹ A là con chung của bà và ông N.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bà Ngô Thị Mỹ D và ông Lê Hữu N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông N là có căn cứ.

Về nội dung: Do bà D và ông N chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo pháp luật là đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Nay bà D có yêu cầu ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Do ông N không có ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:***

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường B xác định ông Lê Hữu N, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số X/Z, khóm B 1, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông N. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn không có mặt. Phía bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/11/2019. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa bà Ngô Thị Mỹ D và ông Lê Hữu N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

***Về nội dung:***

[3] Ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần. Tuy nhiên, ông N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà D, không đến tham gia phiên tòa. Như vậy, ông N đã từ bỏ quyền và N vụ tham gia tố tụng của bị đơn được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[4] Bà D cho rằng, bà và ông N tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời khai của bà D phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 19/9/2019. Như vậy, ông bà đã vi phạm về đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân của các đương sự và áp dụng khoản 2

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố bà D và ông N không phải là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] ***Về án phí*:** Bà D phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005130 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Ngô Thị Mỹ D và ông Lê Hữu N không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005130 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Phạm Xuân Khanh**

Nơi nhận:
**THẨM TÒA**
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Phạm Xuân Khanh**

**Trần Phạm Xuân Khanh**